

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2022/HNGĐ-ST

Ngày 30 - 9 - 2022

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Quang Tú

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Nguyên

Bà Đinh Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu, là Thư ký tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Thành, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử sơ công khai vụ án thụ lý số 50/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2022 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2022/QĐXX-ST ngày 09 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị H1., sinh năm 1992; Địa chỉ: thôn Tr.Th, xã Đ.L, huyện A.T, tỉnh Hưng Yên; “*vắng mặt*”

- *Bị đơn:* Anh Vũ Đức H2., sinh năm 1991; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn Tr.Th, xã Đ.L, huyện A.T, tỉnh Hưng Yên; Địa chỉ: số 6, đường C.Ng, thôn Tr.H, xã H.Kh, huyện T.Tr, Đài Loan (Trung Quốc); “*vắng mặt*”

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Văn Nh., sinh năm 1970; Địa chỉ: thôn Tr.Th, xã Đ.L, huyện A.T, tỉnh Hưng Yên (Văn bản ủy quyền ngày 24 tháng 6 năm 2022); “*vắng mặt*”

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Cháu Vũ H.A1., sinh ngày 23 tháng 10 năm 2014; “*vắng mặt*”

2. Cháu Vũ B.A2., sinh ngày 29 tháng 6 năm 2016; “vắng mặt”

Đều địa chỉ: thôn Tr.Th, xã Đ.L, huyện A.T, tỉnh Hưng Yên.

Người giám hộ: Chị Phạm Thị H1., sinh năm 1992; Địa chỉ: thôn Tr.Th, xã Đ.L, huyện A.T, tỉnh Hưng Yên; “vắng mặt”

- Người làm chứng:

1. Ông Vũ Văn Nh., sinh năm 1970; Địa chỉ: thôn Tr.Th, xã Đ.L, huyện A.T, tỉnh Hưng Yên; “vắng mặt”

2. Bà Nguyễn Thị S1., sinh năm 1963; Địa chỉ: thôn M.C, xã H.T.M, huyện A.T, tỉnh Hưng Yên; “vắng mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 05 tháng 8 năm 2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị H1. trình bày: Chị kết hôn với anh Vũ Đức H2. ngày 10 tháng 12 năm 2013 và chung sống với gia đình bố mẹ anh H2. ngay sau ngày cưới. Vợ chồng chung sống đến tháng 7 năm 2017 thì anh H2. đi lao động tại Đài Loan, nhưng từ năm 2018 thì không còn liên lạc với nhau do thường xuyên xúc phạm, không tôn trọng nhau. Thực tế tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn để có điều kiện ổn định cuộc sống.

Con chung: Vợ chồng có hai con chung là Vũ H.A1., sinh ngày 23 tháng 10 năm 2014 và Vũ B.A2., sinh ngày 29 tháng 6 năm 2016 đều sống cùng chị nên nếu ly hôn chị đề nghị được nuôi cả hai con và không yêu cầu anh H2. đóng góp nuôi con chung.

Về tài sản, nghĩa vụ chung của vợ chồng và các vấn đề khác: Chị Phạm Thị H1. không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Vũ Đức H2. đã được gia đình thông báo việc Tòa án thụ lý vụ án ly hôn giữa anh và chị Phạm Thị H1. nhưng không trình bày ý kiến bằng văn bản theo gia đình là do đã không còn làm việc tại địa chỉ theo hợp đồng lao động.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Vũ H.A1. đề nghị được tiếp tục sống cùng mẹ nếu bố mẹ ly hôn vì bố hiện đang ở Đài Loan.

Người làm chứng ông Vũ Văn Nh., là bố anh H2. trình bày: Chị Phạm Thị H1. và anh Vũ Đức H2. kết hôn tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ.L ngày 10 tháng 12 năm 2013. Hai vợ chồng chung sống cùng gia đình ông ngay từ ngày cưới đến tháng 7 năm 2017 thì thống nhất để anh H2. đi làm việc tại Đài Loan. Sau khi hết hạn lao động theo hợp đồng, anh H2. đã bỏ ra làm việc tự do nên gia đình được biết anh chị đã phát sinh mâu thuẫn và xác định không chung sống được với nhau. Anh H2. đã làm đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn với chị H1. và làm văn bản ủy quyền cho ông gửi về gia đình để chị H1. làm thủ tục ly hôn. Sau khi nhận được thông báo thụ lý vụ

án của Tòa án, gia đình đã sao chụp gửi cho anh H2. và liên hệ thì anh H2. nhất trí ly hôn như trong đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn. Do vợ chồng đều đã tự quyết định được cuộc sống của mình nên ông đề nghị Tòa án giải quyết phù hợp với thực tế của anh chị để cả hai có thể ổn định được cuộc sống.

Anh chị có hai con chung là Vũ H.A1., sinh ngày 23 tháng 10 năm 2014 và Vũ B.A2., sinh ngày 29 tháng 6 năm 2016 đang sống cùng chị H1.. Vợ chồng đã thống nhất khi ly hôn mỗi người sẽ nuôi một con nên nếu anh H2. được nuôi con thì gia đình sẽ có trách nhiệm chăm sóc trong thời gian anh chưa về nước. Trường hợp chị H1. thay đổi thỏa thuận thì đề nghị Tòa án căn cứ vào điều kiện thực tế để giải quyết tránh ảnh hưởng đến cuộc sống, học tập của các cháu.

Anh H2. không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, nghĩa vụ chung của vợ chồng và các vấn đề khác như trong đơn anh H2. gửi về gia đình.

Do anh H2. đã ra ngoài làm việc nên gia đình không có địa chỉ để cung cấp cho Tòa án nhưng khi liên lạc với gia đình anh H2. đều cho biết giữ nguyên yêu cầu ly hôn với chị H1. nên ông cung cấp cho Tòa án Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và giấy ủy quyền của anh H2. gửi về gia đình. Ông nhất trí với ủy quyền của anh H2. và cam đoan sẽ thông báo cho anh H2. biết về kết quả giải quyết của Tòa án.

Bà Nguyễn Thị S1., mẹ chị Phạm Thị H1. trình bày chị Phạm Thị H1. và anh Vũ Đức H2. đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ.L ngày 10 tháng 12 năm 2013. Tháng 7 năm 2017 anh H2. đi làm việc tại Đài Loan đến nay chưa về Việt Nam nên vợ chồng phải tự quyết định về việc có thể chung sống được với nhau hay không.

Ủy ban nhân dân xã Đ.L cung cấp: Chị Phạm Thị H1. và anh Vũ Đức H2. đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ.L, huyện A.T, tỉnh Hưng Yên ngày 10 tháng 12 năm 2013 và chung sống cùng gia đình anh H2. từ khi kết hôn đến năm 2017 thì anh H2. đi làm việc tại Đài Loan chưa về Việt Nam nên địa phương đề nghị Tòa án xác minh hai bên gia đình để giải quyết yêu cầu ly hôn của chị H1. theo quy định của pháp luật đảm bảo quyền lợi cho người phụ nữ sau ly hôn. Anh chị có hai con chung là Vũ H.A1., sinh ngày 23 tháng 10 năm 2014 và Vũ B.A2., sinh ngày 29 tháng 6 năm 2016 đều đang sống cùng mẹ nên đề nghị Tòa án đảm bảo ổn định cho hai cháu khi bố mẹ ly hôn và phù hợp với quan điểm của vợ chồng về con chung.

Cục Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an cung cấp: Trường hợp Vũ Đức H2., sinh ngày 01/5/1991, CMND số 03309101001040, khai hộ khẩu thường trú tại: Tr.Th, Đ.L, A.T, Hưng Yên; đã sử dụng hộ chiếu C3445624 để xuất cảnh ngày 21/04/2019 qua cửa khẩu Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Tại phiên tòa:

Các đương sự đều vắng mặt. Chủ tọa phiên tòa công bố lời khai của nguyên đơn, người làm chứng và tài liệu do Tòa án thu thập.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên phát biểu ý kiến:

- Việc chấp hành pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, và đương sự đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã thực hiện việc thông báo và tổng đạt văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật, đương sự đề nghị xử vắng mặt nên đề nghị Tòa án xét xử theo thủ tục chung.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH, xử cho chị H1. được ly hôn anh H2.; Giao chị H1. tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Vũ H.A1., sinh ngày 23 tháng 10 năm 2014 và Vũ B.A2., sinh ngày 29 tháng 6 năm 2016, anh H2. không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị H1. phải chịu án phí theo quy định.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét, đánh giá toàn diện, khách quan, đầy đủ các chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, luật sư, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo công văn số 18476/QLXNC-P5 ngày 05 tháng 9 năm 2022 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh Bộ công an đã có căn cứ xác định bị đơn anh Vũ Đức H2. đang sinh sống tại nước ngoài nên Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên thụ lý, giải quyết vụ án là phù hợp quy định tại Điều 35, và điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Chị Phạm Thị H1. và anh Vũ Đức H2. kết hôn tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đào Xá, huyện Kim Động ngày 10 tháng 12 năm 2013 nên hôn nhân của anh chị được pháp luật công nhận. Lời khai của chị H1., phù hợp với cung cấp của gia đình anh H2. và của Ủy ban nhân dân xã Đ.L đã có căn cứ xác định do anh H2. đi làm việc tại nước ngoài nên vợ chồng đã sống mỗi người một nơi từ năm 2017. Thực tế đã hết thời hạn của hợp đồng lao động nhưng anh H2. không về nước và vợ chồng đã không cùng chung sống trong thời gian dài nên không còn quan tâm chăm lo đến nhau chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài do đó chị H1. yêu cầu được ly hôn anh H2. là phù hợp với thực tế hôn nhân của vợ chồng nên được chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu về được nuôi hai con của chị Phạm Thị H1. thấy anh H2. đang cư trú ở nước ngoài, không có điều kiện trực tiếp để chăm sóc con chung trong khi con chung của anh chị đang sống ổn định cùng chị H1., cháu Vũ B.A2. có nguyện vọng sống cùng mẹ nên yêu cầu được nuôi cả hai con của chị H1. là phù hợp với thực tế và đảm bảo quyền lợi của con chung sau ly hôn do đó sẽ giao chị H1. tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc

hai con là Vũ H.A1., sinh ngày 23 tháng 10 năm 2014 và Vũ B.A2., sinh ngày 29 tháng 6 năm 2016; Chị H1. không yêu cầu được cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra để xem xét.

[5] Chị Phạm Thị H1. không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, nghĩa vụ chung của vợ chồng và các vấn đề khác nên không đặt ra để xem xét.

[6] Chị Phạm Thị H1. phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 28, điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị H1.

1. Quan hệ hôn nhân: Cho chị Phạm Thị H1. ly hôn anh Vũ Đức H2..

2. Con chung: Giao chị Phạm Thị H1. trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chưa thành niên là Vũ H.A1., sinh ngày 23 tháng 10 năm 2014 và Vũ B.A2., sinh ngày 29 tháng 6 năm 2016. Anh Vũ Đức H2. có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở anh H2. thực hiện quyền này; nếu anh H2. lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị H1. có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế việc thăm nom con của anh H2..

Công nhận sự tự nguyện của chị Phạm Thị H1. chưa yêu cầu anh Vũ Đức H2. cấp dưỡng nuôi con chung; trên cơ sở lợi ích của con, chị H1. có quyền yêu cầu anh H2. cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên.

Chị Phạm Thị Huệ, anh Vũ Đức H2. hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Tài sản, nghĩa vụ chung và các vấn đề khác: Không giải quyết

4. Về án phí: Chị Phạm Thị H1. phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0000129 ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên; Chị H1. đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị H1. được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Anh Vũ Đức H2. được

quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ.L;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- Cục THADS tỉnh Hưng Yên;
- Lưu: VT, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Quang Tú